

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2025
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Ngọc T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 2 ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Số căn cước: 083184018653

2. Bị đơn: Ông Đào Minh L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: B khu phố D, (phường E) phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nay là khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

Số căn cước công dân: 083084015309

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2025, bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Châu Ngọc T trình bày:

Bà T và ông Đào Minh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, mặc dù các bên cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả, mâu thuẫn

vợ chồng ngày càng gây gắt, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục sống chung sẽ gây thiệt hại cho cả hai bên. Vợ chồng bà đã không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2024 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không còn ai quan tâm đến nhau.

Nay bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông L nên bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2025, bị đơn ông Đào Minh L trình bày:

Ông L và bà T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nay ông L đồng ý ly hôn với bà Châu Ngọc T. Về con chung: không có. Về tài sản chung: đồng ý tự thỏa thuận; về nợ chung: không có.

Do bận công việc nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự theo đúng quy định pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Châu Ngọc T; về con chung: không có; về tài sản chung: tự thỏa thuận, về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Châu Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Đào Minh L, ông L có địa chỉ tại B khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long. Bà T và ông L có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà T, ông L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2023 nên hôn nhân của bà T, ông L là hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T thì vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường cãi nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Ông L cũng thừa nhận sau

khi kết hôn vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và ông L cũng đồng ý ly hôn với bà T. Tòa án đã mời các bên để hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà T và ông L thực tế có xảy ra và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Các bên đương sự đều khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các bên đương sự đều khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Châu Ngọc T đối với ông Đào Minh L. Bà Châu Ngọc T được ly hôn với ông Đào Minh L. Quan hệ hôn nhân giữa bà Châu Ngọc T và ông Đào Minh L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Châu Ngọc T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011446 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà T đã nộp xong án phí.

6/ Bà Châu Ngọc T, ông Đào Minh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND phường A, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thi